

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HS-PT  
Ngày 17 - 8 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Lâm.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Thái Sơn, ông Hồ Hữu Thắng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:***  
Bà Trương Thuận Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn Tài A do có kháng cáo của bị hại Trần Thị Hằng N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

***- Bị cáo bị kháng cáo:***

**Trần Văn Tài A** (Tên gọi khác: Trần Văn Hoàng A) - sinh năm 1990 tại P, Hậu Giang. Nơi thường trú: Ấp 1, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nơi tạm trú: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nghề tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Võ Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Kim T và có 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

***- Bị hại có kháng cáo:***

Trần Thị Hằng N - sinh năm: 1996; (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đông Bình, thị trấn Ngã Sáu, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:***

Ông Phan Văn Chanh L - Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Thái Minh Hiếu không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Tài A và Trần Thị Hằng N có mối quan hệ là bạn quen biết nhau từ trước. Vào khoảng tháng 08/2020 Trần Thị Hằng N có mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha FZ150, màu trắng, số máy G3D1E004349, số khung 1110FK004339, biển kiểm soát 65C1-149.31 của Tăng Thị Yên Nhi, sinh năm: 1995, đăng ký thường trú: khu vực P, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ với giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), sau đó làm hợp đồng mua bán xe và thủ tục sang tên do Trần Thị Hằng N đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 95H1-57.990 cấp ngày 12/08/2020. Do có mối quan hệ quen biết với Trần Văn Tài A, nên khoảng vài ngày sau khi được cấp giấy đăng ký xe, N gặp Tài A trên đường 3/2 thuộc ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang và giao xe biển kiểm soát 95H1-57.990 cho anh Tài A mượn, để làm phương tiện đi lại và đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho Tài A giữ, đồng thời Hằng N để giấy chứng minh nhân dân của Hằng N trong cốp xe. Tài A sử dụng xe được khoảng hơn 01 tháng thì nảy sinh ý định bán xe lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân. Đến ngày 12/10/2020, Tài A đem xe mô tô biển kiểm soát 95H1-57.990 đến cơ sở mua bán xe của anh Thái Minh H, bán xe cho Hiếu với giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Đến ngày 30/11/2020, anh Hiếu bán xe lại cho Huỳnh Đức T, địa chỉ: Số 63, tổ 2, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương với số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) và làm thủ tục sang tên cho anh T. Trong thời gian cho mượn xe thì Hằng N nhiều lần gọi điện thoại và đến gặp trực tiếp Tài A tại nhà để đòi lại xe, nhưng Tài A đưa ra nhiều lý do gian dối không chịu trả xe. Đến ngày 10/04/2021, Hằng N đến Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang để hỏi thông tin về tình trạng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 95H1-57.990 thì biết được xe của mình Tài A đã bán về tỉnh Bình Dương. Nên Hằng N đã làm đơn tố giác hành vi phạm tội của Tài A.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 14A/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận định giá tài sản xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 95H1-579.90 trị giá 34.460.000 đồng (ba mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Tài A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tài A 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Long Thanh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất giữa bị cáo và bị hại, bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bị hại số tiền 34.460.000 đồng.

Sau khi bị cáo giao đủ số tiền trên cho bị hại thì bị cáo được nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số máy G3D1E004349, số khung 1110FK004339, biển kiểm soát 61G1-793.65 và 01 giấy đăng ký xe tên Huỳnh Đức Thọ. Bị cáo liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên cho bị cáo.

Bị cáo được nhận lại số tiền 3.500.000 đồng bồi thường khấu hao hư xe bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0003523 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ của người được hưởng án treo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2022, bị hại Trần Thị Hằng N kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo hưởng án treo và buộc bị cáo phải trả lại giá trị xe là 63.500.000 đồng và nếu chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không cho bị cáo hưởng án treo và rút một phần yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 342, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự và không chấp nhận kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo hưởng án treo của bị hại Trần Thị Hằng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Trần Thị Hằng N có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị hại phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Thị Hằng N xin rút một phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bị hại là tự nguyện và không liên quan đến kháng cáo khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn Tài A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng tháng 08/2020, do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên bị hại Trần Thị Hằng N đã giao xe mô tô biển kiểm soát 95H1-57.990 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo Trần Văn Tài A mượn để làm phương tiện đi lại. Sau đó bị hại nhiều lần yêu cầu bị cáo trả lại xe nhưng bị cáo đưa ra thông tin gian dối và không đồng ý trả lại xe. Đến ngày 12/10/2020, bị cáo đem xe mô tô biển kiểm soát 95H1-57.990 đến cơ sở mua bán xe của anh Thái Minh H bán được số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn Tài A sau khi nhận được tài sản của người khác rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản có giá trị theo kết luận định giá là 34.460.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Tài A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại Trần Thị Hằng N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 15 (mười lăm) tháng tù là tương xứng. Bên cạnh đó, do bị cáo có nhân thân tốt; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận và xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù nên cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo được hưởng án treo với lý do bị cáo đã từng phạm tội trộm cắp tài sản, tuy đã được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên việc cho bị cáo hưởng án treo là chưa đảm bảo tính răn đe của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2008/HSST ngày 11/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xử phạt bị cáo Trần Văn Tài A 06 (sáu) tháng tù cho

hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại thời điểm bị kết án theo bản án nêu trên thì bị cáo Trần Văn Tài A là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự. Tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“a) Đối với người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc người phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo;”*. Căn cứ vào quy định trên và các điều kiện khác theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo Trần Văn Tài A có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Tài A được hưởng án treo là không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo hưởng án treo của bị hại.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo hưởng án treo của bị hại Trần Thị Hằng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo hoàn trả cho bị hại giá trị tài sản bị chiếm đoạt nhưng không tuyên về nghĩa vụ chịu tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án là có thiếu sót, do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh buộc bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

[7] Về án phí: Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về kháng cáo:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 342; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phản kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Trần Thị Hằng N.

Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo hưởng án treo của bị hại Trần Thị Hằng N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## 2. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Tài A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tài A 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/5/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên.

## 3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất giữa bị cáo và bị hại, bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bị hại số tiền 34.460.000 (ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Sau khi bị cáo giao đủ số tiền trên cho bị hại thì bị cáo được nhận lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số máy G3D1E004349, số khung 1110FK004339, biển kiểm soát 61G1-793.65 và 01 (một) giấy đăng ký xe tên Huỳnh Đức T. Bị cáo liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên cho bị cáo.

Bị cáo được nhận lại số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng bồi thường khấu hao hư xe bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0003523 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

#### 4. Về các vấn đề khác:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### *Nơi nhận:*

- Bị cáo; người kháng cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (PV06);
- TAND, VKSND, CQĐT,  
Chi cục THADS huyện C;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

**(Đã ký)**

**Phạm Hoàng Lâm**